TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 67 /2021/HNGĐ-ST. Ngày 31-12-2021. V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm;
Bà Dương Thị Mỹ Liên;
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp BT1, xã TM, huyện CC, Thành phố H. Vắng mặt có đơn xin.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh N. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Chị và anh B chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng vào ngày 30-11-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng cha mẹ chị tại ấp BT1, xã TM, huyện CC, Thành phố H. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không chăm lo cho gia đình mà chỉ lo ăn chơi và uống rượu; hơn nữa trước khi kết hôn với anh B thì chị đã có con riêng, do hoàn cảnh kinh tế vợ chồng còn khó khăn, chị còn phải lo cho con riêng nên chị không đồng ý sinh thêm con, từ đó vợ chồng hay cãi vã.

Cha mẹ không có hòa giải cho anh chị. Do mâu thuẫn quá lớn nên anh B bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 8/2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng không có con riêng, hiện nay chị không có mang thai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án: Tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.
- Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A, anh B là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng vào ngày 30-11-2018. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không chăm lo cho gia đình mà chỉ lo ăn chơi và uống rượu, chị A không đồng ý sinh thêm con, từ đó vợ chồng hay cãi vã. Hai người đã sống ly thân từ tháng 8-2020 đó đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến làm việc nhưng anh B đều vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai, không tham gia phiên hòa giải thể hiện anh B không có thiện chí đoàn tụ. Từ đây cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B,

nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị A và anh B không có con chung, chị A trình bày hiện nay chị không có mang thai, do đó không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A đối với anh Nguyễn Văn B. Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015202 ngày 17-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị A đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị A, anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Gia Lộc;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy